

Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2026
Ha Noi, day 29 month 07 year 2026

BÁO CÁO

Định kỳ tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu doanh nghiệp VAB125029
PERIODIC REPORT ON CORPORATE BOND'S PRINCIPAL AND INTEREST PAYMENTS VAB125029

Kính gửi/To:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/The State Securities Commission;
- Sở Giao dịch chứng khoán/The Stock Exchange.

I. Báo cáo tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu/Report on bond principal and interest payments

(Kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026)/Reporting period from 01/01/2026 to 30/06/2026

TT No	Mã trái phiếu/ Bond Code	Kỳ hạn Period (năm/year)	Ngày phát hành Issue date	Ngày đáo hạn Maturity	Số dư đầu kỳ Opening balance		Thanh toán trong kỳ Payment during the period		Dư nợ cuối kỳ Closing balance	
					Gốc Principal	Lãi Interest	Gốc Principal	Lãi Interest	Gốc Principal	Lãi Interest
1	VAB125029	7	14/10/2025	14/10/2032	299,407,000,000	0	0	0	299,407,000,000	0

Ghi chú: Trường hợp không thanh toán được, nêu rõ lý do/ Note: in case of default, State the reasons

II Báo cáo tình hình nắm giữ trái phiếu theo nhà đầu tư/Report on bond ownership according to the type of investors

(Kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026)/Reporting period from 01/01/2026 to 30/06/2026

Loại Nhà đầu tư Type of investors	Dư nợ đầu kỳ Opening balance		Thay đổi trong kỳ Changes during the period		Dư nợ cuối kỳ Closing balance	
	Giá trị (VNĐ) Value	Tỷ trọng (%) Percentage	Giá trị (VNĐ) Value	Tỷ trọng (%) Percentage	Giá trị (VNĐ) Value	Tỷ trọng (%) Percentage
I. Nhà đầu tư trong nước/Domestic investors	299,407,000,000	100.00	-	-	299,407,000,000	100.00
1. Nhà đầu tư có tổ chức/Institutional investors	170,000,000,000	56.78	-	-	170,000,000,000	56.78
a) Tổ chức tín dụng*/Credit institutions	120,000,000,000	40.08	0	-	120,000,000,000	40.08
b) Quỹ đầu tư /Investment funds		-	0	-		-

Loại Nhà đầu tư Type of investors	Dư nợ đầu kỳ Opening balance		Thay đổi trong kỳ Changes during the period		Dư nợ cuối kỳ Closing balance	
	Giá trị (VNĐ) Value	Tỷ trọng (%) Percentage	Giá trị (VNĐ) Value	Tỷ trọng (%) Percentage	Giá trị (VNĐ) Value	Tỷ trọng(%) Percentage
c) Công ty chứng khoán /Securities companies		-	0	-		-
d) Công ty Bảo hiểm /Insurance companies		-	0	-		-
đ) Các tổ chức khác/Other organisations	50,000,000,000	16.70	0	-	50,000,000,000	16.70
2. Nhà đầu tư cá nhân /Individual investors	129,407,000,000	43.22	0	-	129,407,000,000	43.22
II. Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investors	-	-	-	-	-	-
1. Nhà đầu tư có tổ chức /Institutional investors		-	0	-		-
a) Tổ chức tín dụng/ Credit institutions		-	0	-		-
b) Quỹ đầu tư/Investment funds		-	0	-		-
c) Công ty chứng khoán/ Securities companies		-	0	-		-
d) Công ty Bảo hiểm /Insurance companies		-	0	-		-
đ) Các tổ chức khác/Other organisations		-	0	-		-
2. Nhà đầu tư cá Nhân /Individual investors		-	0	-		-
Tổng/ Total	299,407,000,000	100.00	-	-	299,407,000,000	100.00

* Tổ chức tín dụng bao gồm: ngân hàng thương mại, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính, tổ chức tài chính vi mô, quỹ tín dụng nhân dân/Credit institutions include: commercial banks, finance companies, financial leasing companies, microfinance institutions, people's credit funds.

Nơi nhận/Recipients:

- Như kính gửi/ as addressed to
- Lưu KT, HC

**XÁC NHẬN ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU/
CONFIRMATION BY THE LEGAL REPRESENTATIVE OF THE BOND ISSUER**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)
(Sign, full name and seal)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Trọng